

Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật tóm lược (Quyển 09)

ISSN: 2734-9195 08:25 11/02/2026

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 09.

1. Chấp ngã lớn như Núi Tu Di

Núi Tu Di nằm chính giữa bốn đại châu: Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lư Châu, dùng kim cang làm nền móng. Trong biển có tám vạn bốn ngàn do tuần. Phía ngoài núi Tu Di là biển Hương Thủy, có nghĩa là biển nước thơm, bao bọc núi Tu Di. Có bảy tầng biển Hương thủy chảy chung quanh, có bảy tầng núi vàng bao bọc. Phía ngoài núi vàng của tầng thứ bảy thì có biển nước mặn. Phía ngoài của biển nước mặn thì có núi Thiết Vi. Diện tích tầng thứ hai là tám ngàn do tuần. Diện tích của tầng thứ ba là bốn ngàn do tuần. Diện tích của tầng thứ tư là hai ngàn do tuần. Lại có bốn thứ màu sắc, đó là: Màu vàng, màu bạc, màu kim cang, màu lưu ly. Trời Tứ Thiên Vương ở lưng chừng giữa núi Tu Di. Trời Đao Lợi ở trên đỉnh núi Tu Di. Đỉnh núi này đều là nơi người trời và bậc Thánh nhân ở. Vì chưa lìa khỏi đất, cho nên gọi là địa cư Thiên. Tu Di dịch là Diệu Cao. Từ hai chữ diệu cao mà nhìn, thì tòa núi này khả hữu khả vô, có thể có, có thể không. Lúc nhìn thấy thì chẳng thấy đỉnh của nó; lúc chẳng thấy thì núi vẫn sừng sững. Tại sao? Vì là diệu cao! Đỉnh núi đó ngoài các vị tiên và Thánh nhân dùng thần thông mới đến được đỉnh, còn các phàm phu chẳng đến được đỉnh được. Vì nó là cảnh giới diệu không thể tả, cho nên gọi là núi Diệu Cao. Phật Thích Ca Mâu Ni, từ Điện Phổ Quang Minh thăng lên đỉnh núi Tu Di, để vì chư Thiên mà diễn nói diệu pháp của kinh Hoa Nghiêm. Song Ngài chẳng động tòa ngồi, vẫn ngồi ở dưới cội bồ đề nhập định. Ở trong định phóng quang minh, gia bị cho các Bồ Tát đại biểu diễn nói, phẩm Thăng Lên Đỉnh Núi thuộc về thứ mười ba.

Chúng ta nên phá tan chấp trước, đừng chấp trước có, cũng đừng chấp trước không. Chấp có, chấp không, thì rơi vào hai bên. Chấp có thì thủ lấy các tướng,

chấp không thì rơi vào không có gì hết. Không, có, chẳng chấp trước, tức là trung đạo. Người chân chính học Phật pháp thì phải lìa tướng, lìa tướng tức là bỏ để. Nếu không thể lìa tướng, mà chấp trước tướng, thì chỉ là ngày càng ngu si, không thể khai mở trí tuệ. Khai mở trí tuệ thì thấy Phật, chẳng khai mở trí tuệ thì ngu si, ngu si thì thấy quý. Người học Phật pháp, nên càng học càng thông minh, không thể càng học càng hồ đồ. Hiện tại là thời kỳ đả thiên thất, mọi người phải có tâm nhẫn nại, phải luyện tâm kim cang bất hoại, ví như sắt, trải qua rèn luyện rồi thì mới thành thép. Thép chế thành đao kiếm thì mới sắc bén. Chúng ta cũng phải trải qua một phen rèn luyện, thì mới thành Thánh Hiền. Bậc Thánh Hiền thì chẳng có tập khí mao bệnh, tất cả đều thanh tịnh. Đả thiên thất tức là trừ tập khí, khử mao bệnh. Đi hương, chạy hương, ngồi hương, tức là rèn luyện thân tâm, khiến cho thanh tịnh. Khi đến được cảnh giới, trong chẳng biết có tâm, ngoài chẳng biết có thân, xa chẳng biết có vật, thì tất cả hết thảy đều buông xả hết. Nếu buông xả được, thì tự nhiên sẽ thành Phật. Tại sao chúng ta không khai ngộ? Vì chẳng buông xả được thân tâm. Cho rằng túi da hôi thối là người bạn tốt, thì nhất định sẽ bảo hộ nó, thương tiếc nó, chẳng cho nó chịu thiệt thòi. Khát một chút cũng không được, đói một chút cũng không được, lạnh một chút, nóng một chút đều không xong.

2. Ba quán

Ba quán của tông Thiên Thai, tức là quán không, quán giả, quán trung. Dùng một bài kệ để nói rõ:

*“Nhân duyên sinh ra pháp
Ta nói tức là không, quán không
Tên cũng là giả danh, quán giả
Tên cũng nghĩa trung đạo, quán trung.”*

Các pháp từ duyên sinh, các pháp từ duyên diệt. Nhân duyên sinh ra các pháp đều là không, cũng là giả; minh bạch tức là nghĩa trung đạo. Ba quán đó vốn là một, tức là quán trung. Song, trước hết phải minh bạch nó là quán không, sau đó lại minh bạch nó là quán giả, lại thấu hiểu nó là trung đạo liễu nghĩa, tức là quán trung. Quán tất cả các pháp, đều là không tự tính. Sinh rồi diệt, diệt rồi sinh. Tướng đó là không, nhưng là giả danh, chẳng có thật thể. Cho nên Tỳ Kheo Mã Thắng nói với tôn giả Xá Lợi Phất rằng: *“Các pháp từ duyên sinh. Các pháp từ duyên diệt. Phật ta đại Sa Môn. Thường nói như vậy đó.”*

Quán sát tất cả các pháp, chẳng có tướng sinh, cũng chẳng có tướng diệt, đó là đắc được vô sinh pháp nhẫn. Tức cũng là chẳng thấy chút pháp sinh, chẳng thấy chút pháp diệt, mà kham nhẫn thọ nơi tâm. Lúc đó, miệng muốn nói cũng

nói không ra. Có trí tuệ thấu hiểu như thế, thì chư Phật luôn hiện tiền ở trước mặt bạn. Nếu chưa chứng đắc trí tuệ như thế, thì dù chư Phật ở trước mặt bạn, bạn cũng nhìn chẳng thấy; dù có nhìn thấy cũng chẳng biết. Do đó, có câu: *“Đối diện bất thức Quán Thế Âm.”* Hà huống là Phật, càng không thể biết được.

Bản tính của pháp là không sinh không diệt, vốn là vắng lặng, không thể nắm lấy, cũng không thể nhìn thấy, do đó: *“Nhìn mà chẳng thấy, Thính mà chẳng nghe, Ngửi mà chẳng có mùi.”* Nếu chứng được cảnh giới pháp tính vắng lặng, thì tất cả đều là không. Đó tức là Phật thật hiện ở trước, là cảnh giới không thể suy lường được. Nếu suy lường được thì biến thành đê nhị nghĩa. Đê nhất nghĩa tức là không thể nghĩ, không thể tưởng, không thể lường.

Nếu như biết được bản tính và tự tính của tất cả các pháp, đều không sinh không diệt, thì người đó không bị tất cả phiền não làm nhiễm ô và chấp trước. Nếu biết tất cả pháp vốn không sinh, vốn không diệt, thì phiền não sẽ biến thành bồ đề. Lúc đó, chẳng có nhiễm ô, chỉ có thanh tịnh, diệu chân như tính. Bốn thể của tất cả các pháp, cũng chẳng nhiễm trước. Phàm phu thì thấy có, hàng nhị thừa thì thấy không, Bồ Tát thì thấy trung đạo bốn thể. Phàm phu thấy tất cả các pháp, tức là tất cả pháp hữu vi mà chấp trước vào tất cả tướng. Hàng nhị thừa thấy tất cả các pháp đều là không, nhưng chưa thấy trung đạo. Bồ Tát tu pháp môn trung đạo, chẳng thiên về không, chẳng rơi vào có. Phàm phu thấy các pháp, thì tùy theo tướng mà chuyển, chẳng minh bạch đạo lý pháp, là lìa tất cả tướng, cho nên không thể thấy được bốn viên tự tính thiên chân Phật.

Trí tuệ của Phật viên mãn, phước đức cũng viên mãn, do đó *“Phước tuệ đều đầy đủ.”* Đại trí tuệ của Phật rất ít có, chẳng thể sánh được. Hết thấy tất cả chúng sinh thế gian, tất cả chúng sinh trên trời, dù có dùng tâm suy tư, cũng không thể biết được. Tại sao? Vì tâm lượng của chúng sinh bé nhỏ, cho nên chẳng đạt đến cảnh giới này. Phàm phu dùng vọng tưởng để quán sát cảnh giới của Phật, giữ lấy tướng, thì chẳng khế hợp với diệu lý của Phật. Phật là vô tướng, lìa khỏi tất cả tướng hữu vi, chẳng phải cảnh giới của phàm phu thấy được. Chúng sinh điên đảo, vì chẳng có trí tuệ, nên bị vô minh che đậy. Liên dùng vọng làm chân, mà giữ lấy tướng năm uẩn, sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Người chẳng có tri thức, thì cho rằng năm uẩn là thật, cho nên mê hoặc nơi năm uẩn, mà chẳng thấy rõ chân tính của Phật, người đó chẳng thấy được Phật. Nếu thấu hiểu biết rõ tự tính của tất cả pháp, vốn đều chẳng có, được như thế thì chẳng chấp trước nơi pháp, mà thấu rõ pháp tính, tức sẽ thấy được Lô Xá Na, sẽ minh bạch cảnh giới của Phật. Ở trước nói về năm uẩn, là cầu bên trong, giữ lấy tướng, thì chẳng thấy Phật. Hiện tại phá tướng, tức là bốn địa phong quang. Lìa tướng lời nói, lìa tướng tâm duyên, lìa tướng văn tự. Cảnh giới của Phật là lìa tất cả tướng và tất cả pháp.

Trong Tâm Kinh có nói: *“Bồ Tát Quán Tự Tại, khi hành sâu vào Bát Nhã Ba La Mật Đa, thì chiếu thấy năm uẩn đều không, qua khỏi tất cả khổ ách”*. Năm uẩn đều là không. Cho nên nói: *“Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức, cũng đều như thế.”* Bốn uẩn còn lại cũng đều giống như sắc uẩn, hư huyền chẳng có thật thể. Năm uẩn trước sinh năm uẩn giữa, năm uẩn giữa sinh năm uẩn sau, liên tục không ngừng. Tuy liên tục không ngừng, nhưng năm uẩn trước chẳng đến năm uẩn giữa, năm uẩn giữa chẳng đến năm uẩn sau. Giống như sóng cùng nhau sinh khởi. Sóng, sóng phía trước chẳng đi về phía sau, sóng phía sau cũng chẳng đi về phía sau nó. Năm uẩn trước, năm uẩn giữa, năm uẩn sau, sinh liên tục. Giống như hạt giống sinh mầm, nhưng hạt giống chẳng đến chỗ mầm. Vì năm uẩn trước mà năm uẩn sau liên tục sinh ra. Song, năm uẩn sau chẳng đến năm uẩn trước; tức nghĩa là sóng trước chẳng đi về sóng phía sau. Nếu mình bạch pháp năm uẩn là không, thì thường thấy được Phật, mình bạch Phật là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Phật pháp là không thể nghĩ bàn. Ví như bảy báu trong phòng tối, nếu chẳng có đèn thì nhìn chẳng thấy được. Báu trong tối tức là Phật tính, hàm tàng ở trong vô minh, vì vô minh, cho nên che lấp báu thật Phật tính. Đèn là trí tuệ, có trí tuệ thì mới minh bạch báu thật của tự tính. Chẳng có trí tuệ thì giống như hạt châu giấu trong áo, vì chẳng ai nói với bạn, cho nên bạn chẳng biết. Vô minh che lấp Phật tính quang minh, cho nên chẳng có trí tuệ. Phật pháp phải có thiện tri thức giảng nói thì mới minh bạch. Nếu chẳng có thiện tri thức giảng nói, thì dù bạn có trí tuệ, cũng không thể minh bạch hiểu rõ. Tóm lại, dù bạn có trí tuệ, song vẫn cần có người đến mở đèn trí tuệ của bạn, thì bạn mới minh bạch Phật pháp. Có bốn câu rằng:

*“Một, có mắt không đèn thì chẳng thấy
Hai, không mắt có đèn thì chẳng thấy
Ba, không mắt không đèn thì chẳng thấy
Bốn, có mắt có đèn thì thấy.”*

Có mắt không đèn, thì chẳng thể thấy châu báu, chỉ có đèn mà không có mắt, thì nhìn cũng chẳng thấy châu báu. Nếu người nghiệp chướng quá nặng, thì đèn trí tuệ mỗi chẳng được. Chẳng có đèn, chẳng có mắt, thì càng nhìn chẳng thấy tự tính pháp bảo. Tất nhiên phải có mắt lại có đèn, thì mới thấy được tự tính pháp bảo. Mình có đèn trí tuệ, lại có thiện tri thức để chỉ dạy, đó là có mắt, có đèn thấy pháp bảo. Chúng ta mỗi người đều có tự tính pháp bảo, là Phật tính. Nhưng mình chẳng biết.

Ví như con mắt có màng, nhìn sự vật thành hai. Vì trong con mắt có bệnh, cho nên chẳng thể thấy được thanh tịnh diệu pháp thân của Phật. Trong tâm nếu khởi tham sân si ba độc, tâm nhiễm ô, tâm chướng ngại, tâm đố kỵ, tâm ích kỷ, tâm tự lợi, đó đều là tâm chẳng thanh tịnh, chẳng minh bạch được diệu pháp của chư Phật. Ví như mặt trời trong sáng, song người mù nhìn chẳng thấy. Trí tuệ vốn có, nếu chẳng hiện ra thì thủy chung chẳng thấy được pháp thân thanh tịnh của chư Phật. Nếu như chữa được màng trong con mắt, màng trong tâm cũng trừ khử đi, nghĩa là trừ sạch tham, sân, si, mạn nghi, tất cả phiền não. Nếu xả lìa được sắc pháp trong năm uẩn và tướng ấm. Năm uẩn tất cả pháp đều không, mà chẳng bị năm uẩn che đậy, thì thấy được pháp thân của Như Lai.

3. Pháp Phật

Các pháp tức là trăm pháp. Trăm pháp là sắc pháp mười một, tâm pháp tám, tâm sở pháp năm mươi mốt, bất tương ưng pháp hai mươi bốn, vô vi pháp sáu, cộng thành trăm pháp. Tất cả các pháp đều là không tịch, chẳng có thể chân thật. Đừng có ở trên pháp chẳng chân thật, mà đi tìm chân thật. Đó cũng giống như tìm lông trên thân rùa, tìm sừng trên đầu con thỏ, vĩnh viễn tìm chẳng thấy được. Dùng vọng tâm để giữ tướng chân thật, muốn trên đầu an đầu, trên chân an chân, đó là dư thừa. Phạm phu tức là làm những việc điên đảo đó, trên pháp chẳng chân thật tìm chân thật. Vì chấp trước như thế, cho nên ở trong sáu nẻo luân hồi, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, vĩnh viễn không ngừng. Giống như hạt bụi, hốt lên trời, hốt xuống đất, chẳng có nơi nào chân thật. Tuy đã phá ngã chấp, nhưng chưa phá được pháp chấp. Chỉ chứng được người không, mà chưa chứng được pháp không. Do đó, còn chấp trước nơi lời lẽ của tất cả các pháp, dùng trí tuệ nhỏ để phân biệt tất cả các pháp. Vì nguyên nhân đó, cho nên sinh ra đủ thứ chướng ngại, chẳng minh bạch pháp nói ra, là chẳng lìa tâm mình. Do đó:

*“Phật nói tất cả pháp
Ứng sinh tất cả tâm
Nếu không tất cả tâm
Sao dùng tất cả pháp.”*

Cho nên tất cả pháp chẳng lìa tâm mình. Nếu cầu pháp ở ngoài tâm, đây tức là ngoại đạo. Do đó, có câu: *“Tâm, Phật và chúng sinh, cả ba chẳng khác biệt.”* Minh bạch tâm mình, thì chẳng phân biệt pháp chấp.

“Tâm sinh đủ thứ pháp sinh. Tâm diệt đủ thứ pháp diệt.” Nếu chẳng thấu rõ tâm mình, thì làm sao biết được chính đạo? Có tâm phân biệt rồi thì có chướng ngại, thì có điên đảo. Điên đảo tức là nhận thức “thị phi” chẳng rõ ràng, vì thị

phi chẳng rõ ràng, cho nên dùng điên đảo tuệ. Đây cũng có thể nói là thế trí biện thông, chẳng có đạo lý mà nói ra đạo lý, tức là “Cường từ đoạt lý.” Đây tức là chẳng nói về đạo lý, ngã kiến thâm sâu, ngã tướng chẳng phá được. Có tâm phân biệt thì làm tăng trưởng tất cả các nghiệp ác.

Người thì chấp cái ta, bản ngã, pháp thì chấp pháp. Ngã, pháp hai chấp chẳng dễ gì phá được. Một số phàm phu đều có chấp cái ta, ta như thế này, ta là đệ nhất, ta đều giỏi hơn mọi người. Ngày ngày vì cái ta này mà khổ sở, cũng chẳng cảm thấy khổ sở. Kỳ thật thân thể của con người đều có tên khác nhau, song tìm chẳng được cái ta, bản ngã duy nhất tồn tại. Vì nhìn chẳng không, cho nên mới nói có cái ta. Chúng ta có thì tướng người cũng có, tướng chúng sinh cũng có, tướng thọ mạng cũng có. Vì bốn tướng chẳng không, cho nên có tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai. Ba tâm chẳng rõ thì luôn luôn khởi vọng tưởng, khởi phân biệt. Tất cả sự vật chẳng có, thì thường tìm cách để có được. Đã có được rồi, thì lại sợ mất đi. Khi chẳng có vọng tưởng này, thì sinh ra vọng tưởng khác. Đây cũng giống như dùng giây thừng tự trói mình, chẳng đắc được giải thoát, cho nên nói chấp ta chẳng dễ gì phá được. Nếu phá được chấp ta thì chẳng còn thấy ta, tướng ta. Nhưng lại có chấp pháp, sinh ra đủ thứ chấp trước đối với tất cả pháp, đủ thứ phân biệt, cho nên nói: *“Chẳng thấy các pháp không.”* Không thể ngộ được đạo lý: *“Bốn lai chẳng một vật, chỗ nào dính bụi bậm.”* Nếu chấp trước pháp hữu vi, thì không thể thoát khỏi ba cõi, thường thọ khổ sinh tử trong sáu nẻo luân hồi. Người như thế, chẳng thấy được tất cả pháp không. Tại sao? Vì chẳng đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Nếu đắc được pháp nhãn thanh tịnh, thì thấy được tất cả pháp không sinh, tất cả pháp không diệt, do đó: *“Các pháp từng bản lai/ Thường tự tịch diệt tướng.”* Nghĩa là: *Các pháp vốn xưa nay/ Tướng thường tự vắng lặng.* Đắc được pháp nhãn thanh tịnh, thì thấu rõ đạo lý các pháp không tướng.

Nếu như có người thấy được Phật, mà chẳng chấp trước, tức là như như bất động, tức cũng là chẳng thủ lấy tướng. Trong kinh Kim Cang có nói: *“Nếu dùng sắc thấy ta. Dùng âm thanh cầu ta. Người đó hành đạo tà. Chẳng thấy được Như Lai.”* Đó tức là thủ lấy chấp trước tướng. Nếu thấy được mà chưa thấy, nghe mà chưa nghe, thì: *“Mắt thấy hình sắc trong chẳng có. Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay.”* Thấy được Phật mà tâm chẳng động, tức là chẳng thủ lấy tướng. Nếu được như thế, chẳng thấy nghĩ khác, chẳng có tâm háo kỳ, thì người đó sẽ biết được pháp của Phật nói, tức cũng là rõ ràng sáng suốt, tức cũng là trí tuệ vốn có hiện tiền. Nghĩ muốn cùng Phật tại một chỗ, thì phải như như bất động, rõ ràng sáng suốt; muốn cùng quý ở một chỗ, thì như như thường động, chẳng rõ ràng sáng suốt. Hai con đường này tự mình chọn lấy. Người có định lực thì thấy cảnh giới tốt, vẫn như như chẳng động. Dù có thấy cảnh giới không tốt, cũng như như chẳng động, nếu như như chẳng động, thì sẽ rõ ràng sáng suốt.

Nếu rõ ràng sáng suốt thì được thăng lên tòa Như Lai, vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, đồng thể với Phật, trụ tại một chỗ.

Nếu như thấy được thật pháp của Phật, tức là người đại trí tuệ. Phải vào sâu tạng kinh thì mới được trí tuệ như biển. Người đó đắc được pháp nhãn thanh tịnh, thì quán sát được nhân duyên của toàn thể giới. Tất cả mọi người đều đầy đủ ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông. Nhưng vì chẳng tu hành, cho nên chẳng hiện tiền, nếu tu hành viên mãn thì sẽ thành Phật.

Ba thân là: Pháp thân, báo thân, ứng hóa thân. Pháp thân là thanh tịnh đầy khắp tất cả mọi nơi. Pháp thân của phàm phu, vì bị vô minh che lấp, cho nên chẳng hiện ra. Hóa thân có nhiều hàng trăm ngàn ức, song phàm phu không dùng được nó, chỉ có báo thân. Báo thân tức là thân thể hiện tại, là thân thọ quả báo. Pháp thân của Phật là viên mãn. Chúng ta có đại trí tuệ thì mới thấy được ba thân của Phật.

Bốn trí tức là: Thành sở tác trí, diệu quán sát trí, bình đẳng tính trí, đại viên cảnh trí. Thành sở tác trí là những gì cần làm đã làm xong, chẳng thọ thân sau nữa. Diệu quán sát trí là đắc được năm nhãn, mới có trí tuệ diệu quán sát. Bình đẳng tính trí là tất cả chúng sinh đều bình đẳng, chư Phật cũng bình đẳng. Trí tuệ này ở chư Phật cũng chẳng tăng chút nào, tại chúng sinh cũng chẳng giảm chút nào, đều là bình đẳng.

Song, phàm phu bị vô minh che lấp, chẳng chứng được trí tuệ tính bình đẳng. Đại viên cảnh trí là trí tuệ thanh tịnh quang minh, giống như tấm gương tròn lớn, một hạt bụi cũng chẳng nhiễm. Vật đến thì ứng, vật đi thì tịnh, chẳng lưu lại dấu vết. Năm nhãn tức là: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn và Phật nhãn. Phật nhãn chiếu sáng như ngàn mặt trời, chiếu khắp vô lượng thế giới. Pháp nhãn quán sát tất cả các pháp. Ví như đọc kinh Hoa Nghiêm, thì chiếu thấu tất cả quyển kinh, một bộ kinh Hoa Nghiêm tám mươi quyển, chỉ một phút thì đọc xong. Tuệ nhãn đầy đủ tất cả trí tuệ, thấu rõ tất cả sự lý. Thiên nhãn thì thấy được người trời hành động. Nhục nhãn, chẳng phải nhục nhãn của phàm phu mà nhục nhãn khác, thấy được người, quỷ, thần, thấy được tướng có hình, có sắc. Quỷ cũng có đầy đủ năm nhãn này, nhưng chẳng quang minh. Sáu thông tức là: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, lậu tận thông. Người tu hành tu đến trình độ tương ứng, thì có thiên nhãn thông, nhìn thấy cử chỉ hành động của người trời, mà chư Thiên nói cũng nghe được rất rõ ràng. Có tha tâm thông thì biết được người đối phương muốn nói và làm việc gì. Túc mạng thông quán sát được nhân quả của chúng sinh đã làm trong quá khứ. Có thần túc thông thì có thể đi đứng ở trong hư không, đến đi tự do, chẳng bị hạn chế. Có lậu tận thông thì quét trừ tất cả phiền não, chẳng có

vọng tưởng, tức thành Phật quả.

Không thấy tức là chẳng có sự thấy thức phân biệt của phàm phu. Đây tức là sự thấy trí tuệ vốn có của Thánh nhân. Có thức phân biệt, là tất cả pháp hữu vi; trí chẳng có phân biệt là tất cả pháp vô vi. Trí tuệ của Thánh nhân minh bạch được tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, nghĩa là thông đạt các pháp thật tướng, mà chẳng có pháp chấp trước, mới thấy được tất cả các pháp. Phàm phu nếu có sự phân biệt về pháp, thì vĩnh viễn chẳng minh bạch bản thể của tất cả các pháp. Bất cứ lúc nào cũng không thể vào sâu tạng kinh, trí tuệ như biển. Nếu phá được pháp chấp, thì mới minh bạch tất cả các pháp; tức là bốn địa phong quang, nhà vốn có sẵn, mặt mũi vốn có, tức là trở về cội nguồn, nghĩa là pháp thể chẳng sinh chẳng diệt.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

4. Tính của các pháp

Tính của tất cả các pháp, chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt, là vắng lặng bất động. Nếu như trụ ở nơi phân biệt, dù có đối diện với Phật và Bồ Tát, cũng chẳng nhận thức được. Tại sao? Vì hư hoại mất thanh tịnh, cho nên ngày càng ngu si, tà kiến tăng thêm. Phải biết ngu si tức là súc sinh, tà kiến là ngạ quỷ. Như vậy, trước mắt chẳng nhận thức được Phật Pháp Tăng Tam Bảo, vĩnh viễn chẳng thấy được mười phương chư Phật. Phân biệt là thức, chẳng phân biệt là trí; chuyển thức thành trí, thì mới đắc được pháp nhãn thanh tịnh. Mất thanh tịnh này, chẳng phải đắc được từ bên ngoài, mà là từ trong tâm mà chứng được.

Nếu chẳng có phân biệt ta người, thị phi, thiện ác, thì lúc đó, đối với tất cả các pháp, đều chẳng có chấp trước, thì trí tuệ sẽ hiện tiền, chiếu thấy pháp thể xuất thế gian. Chúng ta học Phật pháp, nếu có tâm phân biệt, thì dù Phật Bồ Tát và thiện trí thức ở trước mặt bạn, bạn cũng chẳng nhận ra. Nếu chẳng có tâm phân biệt, thì Phật Bồ Tát thiện trí thức hiện tiền, bạn sẽ phân minh rõ ràng, thấy được rõ ràng.

Nếu như thấu hiểu pháp tà, tức là minh bạch chính pháp, tức cũng là minh bạch lý thể chân như thật tướng, không làm việc điên đảo. Điên đảo tức là không nên làm mà làm, nên làm mà không làm. Không điên đảo tức là nên làm thì làm, không nên làm thì không làm. Phải biết vọng là từ chân như thật tướng mà sinh ra. Phải biết gốc rễ của vọng là chân, trừ sạch hết vọng thì chân sẽ hiện ra, chỉ cần trừ khử tâm thức phân biệt, thì trí tuệ vốn có sẽ hiện tiền. Như thế sẽ đầy đủ mắt thanh tịnh, mới thấy được Phật. Tại sao chúng ta chẳng thấu hiểu chính pháp? Vì vô minh đang tác quái, khởi tâm tham, có tâm dục niệm, cho nên chẳng phân chính tà. Nếu phá được vô minh, thì chẳng còn tâm tham, chẳng còn dục niệm, thì sẽ minh bạch gì là chính pháp? Tất cả mọi vấn đề đều tiếp nhận mà giải.

Chúng ta vốn giống như Phật, tự tính quang minh hay chiếu sáng ba ngàn đại thiên thế giới, vì động một niệm vô minh, mà đến thế giới Ta Bà này, hoặc đến thế giới khác đều thai làm người. Do đó, tu hành thì có thể thành Phật, không tu hành thì phải làm quỷ. Chỉ cần chúng ta trở về cội nguồn, khôi phục lại trí tuệ vốn có, thì chẳng còn tâm phân biệt, thì sẽ minh bạch tất cả. Do đó: “Thiện ác hai con đường. Tu thì tu, tạo nghiệp thì tạo.” Tu phước tu tuệ là Phật, tạo tội tạo nghiệp là quỷ. Phật xem tất cả chúng sinh đều là Phật. Quỷ xem chúng sinh đều là quỷ, đó là hết thấy do tâm tạo. Trong kinh này có nói: *“Nếu ai muốn biết rõ. Tất cả Phật ba đời. Hãy quán tính pháp giới. Hết thấy do tâm tạo.”* Tất cả tính pháp giới, đều do tâm mà tạo ra.

Nếu có thấy tức là vọng tưởng. Có phân biệt thì có cấu bẩn. Nếu phàm phu chẳng có vọng tưởng phân biệt, thì sẽ xa lìa tất cả tâm phân biệt, tất cả tâm thấy hiểu. Như vậy sẽ thấy được Phật. Song, nghĩ muốn thấy Phật cũng là vọng tưởng. Phải đừng có vọng tưởng này thì sẽ thấy hết thấy, cũng chẳng có nghĩ thấy, cũng chẳng có không nghĩ thấy. Đến được cảnh giới này, thì sẽ thường thấy Phật. Sự thấy của phàm phu là có nghĩ, có niệm, có phân biệt; sự thấy của bậc Thánh là không nghĩ, không niệm, không phân biệt. Do đó: *“Thiền đến không tâm tức là đạo. Không tâm không niệm phước vô biên. Tư dục tạp niệm là tội khiên.”* Nghĩa là nói: *Chẳng có tâm phân biệt là phước, có tâm phân biệt tức là tội.*

Chúng sinh thế gian có đủ thứ ngôn ngữ. Dùng ngôn ngữ của thế gian mà nói, thì có rất nhiều thứ. Một nước có một thứ tiếng, một tộc có ngôn ngữ của họ, một phương có ngôn ngữ của một phương, ngũ hoa bát môn, đủ loại khác nhau. Chúng sinh dùng vọng tưởng để phân biệt pháp ngôn ngữ. Kỳ thật, tất cả pháp ngôn ngữ thế gian, tất cả tướng phân biệt, đều chẳng có thật thể. Vì chẳng có thật thể, cho nên tất cả chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt. Phải lãnh ngộ đạo lý này, thì mới chân chính minh bạch pháp thế gian. Nếu như thật minh bạch tất cả pháp thế gian, thì sự minh bạch này tức là tướng thế gian thường trụ. Song, nó không sinh không diệt, giống như thật tướng lý thể. Nếu thấy được lý này, tức là thông đạt nguồn gốc.

Chư Phật khai thị tất cả pháp, là đối cơ của chúng sinh mà nói tất cả pháp, do đó:

*“Phật nói tất cả pháp
Ứng với tất cả tâm
Nếu không tất cả tâm
Sao dùng tất cả pháp”?*

Vì muốn đối cơ của chúng sinh, tất cả phải có sự phân biệt, cho nên mới nói tất cả pháp phân biệt, nói Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn, đủ thứ pháp khác nhau. Có pháp đại thừa, pháp tiểu thừa, pháp bốn đế, pháp mười hai nhân duyên, pháp lục độ vạn hạnh, đó là theo bệnh cho thuốc, cho chúng sinh uống một thứ thuốc, khi bệnh lành thì không cần uống thuốc nữa. Giống như qua sông, phải cần thuyền mới qua đến bờ kia; nhưng đến bờ kia rồi, thì nên bỏ thuyền. Trong kinh Kim Cang có nói: *“Pháp còn phải xả/ Hà hướng là phi pháp”?* Khi khai ngộ rồi, đắc được chân chính căn bản trí tuệ, thì tất cả các pháp đều phải buông xả, đừng có chấp pháp, cho nên mới nói, đó đều bất khả đắc. Tại sao nói bất khả đắc? Vì lý thể của pháp là không sinh không diệt, vốn thanh tịnh. Tức là thanh tịnh, lại có gì có thể đắc? Trong Tâm kinh có nói: *“Vô trí cũng vô đắc.”*

Tức là xem tất cả pháp đều không, thì minh bạch tất cả pháp không tướng. Pháp Phật nói, bản tính đều thanh tịnh, không tướng, nhưng thuận tạp là vì độ tất cả chúng sinh mà nói, chúng sinh độ hết, thì pháp cũng sẽ hết dùng.

“Các pháp từ xưa nay/ Tướng thường tự vắng lặng.” Pháp chân chính thì nói chẳng ra. Do đó: *“Lời lẽ đã dứt, tâm hành đã diệt/ Miệng muốn nói mà lời đã bật/ Tâm muốn duyên mà suy nghĩ chẳng còn nữa”*. Là không thể nói, không thể nói, một khi nói ra đều là pháp phương tiện. Bản tính của pháp là thanh tịnh, giống như hư không, chẳng có hình tướng. Tất nhiên chẳng có hình tướng, lại có gì để nói? Dùng tỷ lượng để nói, dùng hiện lượng để nói, nói mà không

nói, không nói mà nói, vì phương tiện giáo hóa chúng sinh, không thể nói cũng phải nói. Giống như hư không, tuy nhiên chẳng có tướng, nhưng ở trong hư không, nhỏ như hạt bụi, lớn như núi sông, đều bao quát ở trong hư không, cũng chẳng ở ngoài hư không. Đây tức là đạo lý chân không diệu hữu, diệu hữu hiện chân không. Do đó: *“Chân không chẳng không, Chẳng ngại diệu hữu. Diệu hữu chẳng hữu, Chẳng ngại chân không.”* Diệu hữu tức là chân không, chân không tức là diệu hữu, cho nên mới nói như không chẳng có tướng.

Bốn thể của pháp là thanh tịnh, chẳng có gì để nói. Pháp nói ra đều là pháp phương tiện. Song, trước khi chúng sinh chưa khai ngộ, thì không thể không nói pháp phương tiện cho chúng sinh. Khi chúng sinh khai ngộ rồi, thì tất cả pháp đều chẳng cần nữa, quét tất cả pháp, là tất cả tướng. Do đó có câu: *“Mê thì ngàn quyển ít, Ngộ rồi một chữ vẫn nhiều.”* Khi chúng sinh mê hoặc, thì xem ngàn quyển kinh, đọc ngàn quyển kinh, lạy ngàn quyển kinh, vẫn cảm thấy ít. Đến khi ngộ rồi, thì dù cho một chữ cũng chẳng có, xem vô tự chân kinh, đọc vô tự chân kinh, lạy vô tự chân kinh. Đó là người có trí tuệ, quán sát được như vậy. Nếu là được tất cả pháp tướng, thì chẳng có suy nghĩ, chẳng có phân biệt. Không tướng tức là chân như, tức là pháp thể. Chẳng ưa thích tất cả pháp, tức là phá trừ pháp chấp. Giống như chúng ta hiện tại nghiên cứu tất cả pháp, giảng nói tất cả pháp. Vì chẳng minh bạch, cho nên còn phải giảng nói. Đến khi minh bạch thì vốn chẳng cần giảng nói. Giảng kinh gì, nói pháp gì, đó đều dư thừa. Song, hiện tại chúng ta còn chưa minh bạch tất cả pháp, mà nghĩ không cần tất cả pháp thì chẳng đúng. Trước khi chưa chứng quả, thì phải học tất cả pháp. Nếu thật là khỏi tất cả các tướng, đến được cảnh giới: *“Một niệm không sinh toàn thể hiện,”* thì tất cả pháp đều ở trong tự tính, cũng chẳng cần tu, cũng chẳng cần học, cho nên mới nói, đó cũng chẳng chỗ tu, do đó: *“Qua sông chẳng cần thuyền.”* Khi chúng được tứ quả A la hán, thì tu mà chẳng tu, chẳng tu mà tu, đó là bậc vô học. Khi chưa chứng được tứ quả A la hán, thì vẫn phải học, vẫn phải tu hành. Khi đến được không chỗ tu, thì mới thấy được Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

5. Phiền não chướng - Sở tri chướng

Chúng ta tu hành phải dũng mãnh tinh tấn, siêng tu Phật đạo, dũng mãnh tinh tấn, tức là dùng thân giả huyễn này để tu Phật pháp chân chính. Thân thể phần đoạn sinh tử của chúng ta đây, mỗi người đều có một phần, mỗi người đều có một đoạn. Vì có một phần, có một đoạn, cho nên có chấp trước. Chấp trước đây là ta, chấp trước đó là sở hữu của ta. Vì túi da hôi thối này, mà suốt ngày điên điên đảo đảo, tự lợi, ích kỷ, tham danh, tham lợi. Vì vậy mà thân thể giả này che lấp tuệ mạng thật, nên không thể dũng mãnh tinh tấn. Tham sự ngủ nghỉ, ăn

uống, nam nữ, danh lợi .v.v... đủ thứ chấp trước đều sinh ra. Khi chấp trước sinh ra, thì giải đãi mà chẳng tinh tấn, cuối cùng chẳng có thành tựu. Lìa khỏi tất cả bụi dơ, tức cũng là lìa khỏi hai chướng.

Hai chướng là gì? Tức là có hai thứ chấp trước, chướng ngại nên không thể thành đạo. Một là phiền não chướng, hai là sở tri chướng. Phiền não chướng tức là chấp cái ta, sở tri chướng tức là chấp pháp. Chẳng có chấp ta thì phá được phiền não chướng; chẳng có chấp pháp thì phá được sở tri chướng. Nói thì dễ mà hành thì khó. Hay lìa khỏi phiền não chướng và sở tri chướng được, thì tâm sẽ giải thoát. Phá tan được hai chướng thì tức là tự độ, cũng phải độ kẻ khác. Phàm là người hành đạo Bồ Tát, thì phải độ mình độ người, giác mình giác người, lợi mình lợi người. Phàm là người thọ giới Bồ Tát, thì phải mau tu hành, hướng về ba mục tiêu lớn đó mà hành, sớm trở thành Bồ Tát.

Phàm là người không chứng quả đều gọi là phàm phu. Hành vi của phàm phu tục tử đều là vô thường, sinh diệt. Chẳng có phàm phu nào có thể thường trụ không diệt. Bản tính của phàm phu đều có thật tính. Hư không tức là Phật tính. Do đó:

*“Tự tính như hư không
Chân vọng ở trong đó
Ngộ triệt thể bản lai
Một thông thấy đều thông.”*

Phàm phu cũng tốt, Thánh nhân cũng tốt, đều đầy đủ Phật tính. Phật tính thì chẳng sinh chẳng diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Tự tính tức là Phật tính, Phật tính tức là tự tính. Do đó chúng ta tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật. Phật tính như thế nào? Là giống như hư không. Trong chân không có diệu hữu, trong diệu hữu có chân không. Chân không chẳng ngại diệu hữu, diệu hữu chẳng ngại chân không. Cho nên trong Phật tính có chân có vọng. Phải minh bạch bản lai tự tính và hư không đều giống nhau, minh bạch như thế thì, dần dần đều sẽ minh bạch hết, do đó: *“Được một, vạn sự đều xong.”* Nếu đắc được một, thì việc gì cũng đều chẳng có, việc lớn đã xong. Cho nên nói, một thông thấy đều thông. Minh bạch được một, thì tất cả đều minh bạch. Vì Phật tính như hư không, hư không thì vô cùng tận. Cho nên nói: *“Tất cả chúng sinh đều có Phật tính, Đều có thể thành Phật.”* Do đó, ai ai cũng đều có tư cách làm Phật, nhưng phải tu hành, phải dụng công tu hành thì mới có thể thành Phật. Người tu hành, chẳng dễ gì gặp được Phật Bồ Tát, bậc A la hán, tất cả thiện tri thức. Có lúc cũng có thể gặp được, nhưng chẳng nhận ra. Khi qua rồi, nhận thức thì đã muộn, đây tức là trước mắt mà bỏ lỡ cơ hội.

Hư không chẳng có tận, cũng chẳng có cái bất tận. Chẳng có cái hết, cũng chẳng có cái không hết, nên mới nói bậc trí nói vô tận. Người có trí tuệ mới nói hư không là vô tận. Vô tận tức là nói diệu hữu. Trong hư không có diệu hữu, trong chân không có diệu hữu. Trên cảnh giới có tận chẳng có tận nói chẳng ra gì, nói nó là có lại chẳng phải có, nói nó là không lại chẳng phải không. Nói nó có là nhìn không thấy, vì nó là diệu hữu. Nói nó là không lại chẳng không vì có diệu hữu. Diệu hữu lại nhìn chẳng thấy, lại là chân không. Cảnh giới vô tận vô bất tận cũng không chỗ nói. Lúc đó thì chẳng lập văn tự, nói không ra. Vì tự tính tại hư không, tức là diệu hữu. Tại sao trong chân không có diệu hữu? Là vì có Phật tính. Phật tính là vô tận. Vì nguyên nhân đó nên nói là vô tận không thể nghĩ bàn. Nói nó là thường, cũng chẳng phải thường. Nói nó là đoạn cũng chẳng phải đoạn. Chẳng phải thường, chẳng phải đoạn, chẳng rơi vào biên kiến hai bên, tức cũng là trung đạo liễu nghĩa. Vô tận tức là chỗ nói về hư không, vô tận vô bất tận. Không thể nói cái hữu tận, cái vô tận. Nếu nói hữu tận thì hư không sao lại hữu tận? Nếu nói vô tận thì hư không sao lại có vô tận? Cho nên trung đạo lý thể, thì không đoạn, không thường. Chiếu theo đạo lý này mà nói, thì chẳng có một chúng sinh khả đắc. Sao lại nói không chúng sinh khả đắc? Vì là hư không ! Phải biết tính của chúng sinh vốn cũng là không, chẳng có một chúng sinh khả đắc. Minh bạch được đạo lý này, thì đến được lý thể bốn lai Phật tính. Đây là nói thường thấy được Phật, mà thời khắc chẳng lìa Phật.

Tính năng thấy và vật sở thấy, kiến giải đó đều chẳng có. Nếu chẳng có năng thấy và sở thấy, tức là bản thể của pháp như như bất động. Do đó, đều trừ khử xả lìa năng thấy và sở thấy, bèn hiện ra lý thể như như. Năng thấy và sở thấy đều không, pháp hữu vi và pháp vô vi cũng đều không, hữu lậu và vô lậu cũng đều không. Tất cả chấp trước cũng chẳng còn, đó mới là lý thể của chân chính pháp giới. Tại sao chúng ta không thể đạt được bản thể của pháp? Chúng được đạo lý thật tướng vô tướng? Là vì có sự chấp trước vào năng thấy và sở thấy, do đó không thể khế hợp với chân thật lý thể, cũng không thể thấy được Phật. Nếu khế hợp được với chân thật pháp tính, thì người đó thấu rõ được cảnh giới của Phật, biết được đạo lý của Phật pháp.

Nếu như có người minh bạch được cảnh giới của Phật và pháp môn phương tiện của Phật nói, tức cũng là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Người đó có trí tuệ quang minh mới chiếu phá trừ tất cả đen tối của thế gian. Giống như quang minh chiếu soi khắp của Viên Mãn Báo Thân ngàn trượng Lô Xa Na Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, Phật khéo dùng pháp phương tiện khéo léo, để diễn nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, để đối trị tám vạn bốn ngàn tập khí ma bệnh của chúng sinh. Phật đến lúc cuối cùng mới diễn nói một thừa Phật đạo. Bốn lai một pháp cũng chẳng lập, tức là thanh tịnh bản nguyên, tính diệu chân như.

6. Hoặc Phiền não

Hoặc, tức là hữu lậu, hoặc, là vô lậu; hoặc, là pháp hữu vi, hoặc, là pháp vô vi, tất cả tướng niệm đều diệt trừ. Trở về nguồn cội, xuất hiện thanh tịnh nguồn cội, tính diệu chân như. Nếu có thể một niệm vọng tưởng cũng không sinh, thì lúc đó một niệm không sinh toàn thể hiện, tức sẽ thấy được Phật, luôn luôn an trụ ở cõi Tịnh Độ Thường Tịch Quang, cảnh giới chân thật. Lúc đó chứng được thật tướng lý thể, minh bạch chẳng có chút pháp sinh, chẳng có chút pháp diệt, tức là pháp chẳng sinh diệt. Có phiền não thì có tranh, không phiền não thì không tranh. Do đó: *“Tranh là tâm hơn thua. Trái ngược lại với đạo. Bèn sinh ra bốn tướng. Làm sao được tam muội”?*

Tranh là tâm hơn thua, tranh cường luận thắng, đều nghĩ ta giỏi hơn người. Có tâm háo thắng tức là tham. Có tham thì có phiền não; có phiền não thì có hơn thua. Do đó, chúng ta người tu đạo, đừng tranh cường luận thắng với người, việc tốt nhường cho người, việc xấu mình nhận, đừng có tâm hơn thua. Có người nói: *“Vậy, tu đạo không cần tu, tu thì có tâm tham.”* Tu đạo là hướng về Phật đạo mà đi, đi đến chỗ đáng trụ. Chúng ta muốn thành Phật, đây chẳng phải là tham, tức là muốn trở về nhà. Vì chúng ta bỏ nhà đi quá xa, cho nên phải trở về nhà. Vì có tranh, nên sinh ra tâm bốn tướng. Có tâm bốn tướng, thì có đấu tranh. Có đấu tranh thì có sinh tử. Nếu đắc được tam muội không tranh, thì chẳng còn phiền não, chẳng còn đấu tranh, tức là Niết Bàn thanh tịnh, tức cũng là lý như như. Bỏ lại chẳng có phiền não, lại đến nơi nào cầu bồ đề? Nếu minh bạch được cảnh giới này, thì thấy được mười phương Phật. Song, chỗ diệu này chẳng phải lời lẽ nói ra được, phải lìa tướng văn tự, lìa tướng danh tự, lìa tâm duyên tướng.

Tóm lại, lìa tất cả tướng và tất cả pháp, thấu rõ đạo lý này, thì thường thấy được mười phương chư Phật. Trên thế gian tất cả vạn sự vạn vật, đều đang nói diệu pháp. Mỗi loài chúng sinh nói pháp của loài đó: Trời thì nói pháp trời, người thì nói pháp người, súc sinh thì nói pháp súc sinh, ngạ quỷ thì nói pháp ngạ quỷ, A tu la thì nói pháp A tu la, địa ngục thì nói pháp địa ngục.

Mười pháp giới đều đang nói pháp, mỗi pháp giới, dùng ngôn ngữ mà họ hiểu, để diễn nói các pháp. Thanh Văn thì nói pháp Thanh Văn, Duyên Giác thì nói pháp Duyên Giác, Bồ Tát thì nói pháp Bồ Tát, Phật thì nói pháp Phật. Pháp gồm có tám vạn bốn ngàn thứ, là đối trị tập khí mao bệnh của chúng sinh. Chúng sinh có mao bệnh này, thì Phật dùng phương pháp này để đối trị. Khi chúng sinh chẳng còn tập khí mao bệnh nữa, thì tất cả pháp cũng phải buông xả.

Pháp khế hợp còn phải buông xả, pháp không khế hợp càng phải buông xả. Ngôn ngữ chỉ là nói pháp quyền xảo phương tiện, để giáo hóa chúng sinh. Lý thể thật tướng, chân như tự tính, không thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt được, dùng ngôn ngữ văn tự, thì không thể hiển được đạo lý thật tướng. Vậy phải làm thế nào? Phải học chư Phật bình đẳng, chứng được tính trí tuệ bình đẳng vốn có, thì mới minh bạch đạo lý thật tướng. Nếu hay bình đẳng, thì mới có thể trở về cội nguồn. Nếu không bình đẳng, thì không thể minh bạch đạo lý chân như thật tướng.

7. Cứu kính

Phật là giác cứu kính, lìa khỏi tất cả điên đảo, chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, cho nên trên thật tướng chân như, chứng được cảnh giới chân như thật tướng. Tất cả điên đảo chấp trước, phân biệt vọng tưởng, đều là hư vọng, chẳng có thể tính chân thật. Gì là hiểu cứu kính? Tức là nơi thật thấy chân thật, tại lý thể chân như thật tướng, chứng đắc cảnh giới này, thì sẽ minh bạch đạo lý này. Lý như như này, dùng trí như như để khế hợp. Do đó cho nên gọi là Phật. Phật nói tất cả pháp, là phá chấp trước của chúng sinh. Chúng sinh chẳng còn chấp trước, thì Phật pháp cũng chẳng dùng nữa. Nếu chúng ta chẳng có mọi chấp trước, thì một niệm chẳng sinh, tức là trở về nguồn cội, trở về nhà thật vốn có. Nếu còn một phần chấp trước, thì vẫn phải dùng một phần pháp để đối trị, để khống chế nó. Phật pháp đều là như như, chẳng có cái biết, hoặc không biết, đều đến trên cảnh giới vốn có. Chúng ta chẳng đạt được cảnh giới, như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, cho nên phải tu phải học. Đến được cứu kính thì một pháp chẳng lập, vạn pháp đều không. Nói ra được đều chẳng phải, hay cảm giác được cũng chẳng phải, cho nên Phật nói pháp không thể giác. Không thể dùng tư tưởng để cảm giác nó, phát hiện nó. Nếu minh bạch được lý chân như thật tướng, thì chẳng có cái giác, cũng chẳng có cái không giác. Minh bạch đạo lý này, thì minh bạch Phật pháp. Chư Phật tu đạo đều tu mà chẳng tu, chứng mà chẳng chứng, chẳng tu chẳng chứng. Tham sân si đều thanh tịnh rồi, thì đạt đến lý thể như như, một pháp chẳng sinh, vạn pháp đều không, gì cũng chẳng có, cho nên nói một pháp không thể được.

Trong trời đất, tất cả vạn sự vạn vật, có những người nói ở trong mình, mình có chủ thể thao túng! Đây là năng tác. Tất cả vạn sự vạn vật, đây là sở tác. Có chủ thể thì năng tác tất cả vạn sự vạn vật, tất cả vạn sự vạn vật là sở tác ra. Một số tôn giáo đều là nói như thế. Song, nói về sự thật thì chẳng có người nào làm chủ thể tất cả vạn sự vạn vật, cho nên mới nói không năng tác sở tác, chẳng có một người năng tác, cũng chẳng có vật sở tác. Đây là như thế nào? Hết thảy tất cả đều là khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo. Nghiệp là từ đâu mà sinh ra? Là từ vọng

tưởng tạo ra. Lúc ban đầu là không giác, không hiểu biết, không giác tức là vô minh, vì vô minh nên sinh ra mê hoặc.

Nếu chẳng có vô minh, thì chẳng có mê hoặc. Có mê hoặc rồi, thì sinh ra vọng tưởng. Có vọng tưởng thì tạo ra đủ thứ nghiệp.

Nghiệp tạo ra, nếu trồng nhân lành, thì có quả báo lành. Nếu nghiệp ác, thì có quả báo ác. Nếu là nghiệp không thiện, không ác, thì có quả báo không thiện không ác. Cho nên những gì chúng sinh gặp, đều là do mình đã tạo ra, chẳng có ai đến chi phối tạo ra; cho đến chuyển đi chuyển lại ở trong luân hồi, không thể thoát khỏi, theo nghiệp mà thọ quả báo; sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh, vĩnh viễn không thoát khỏi sinh tử. Làm thế nào biết được là như vậy? Nếu lìa khỏi đạo lý này, thì chẳng có đạo lý khác để nói.

Có tôn giáo chủ trương, tất cả thế gian là do thần chi phối, vậy thì làm thiện làm ác với mình chẳng có quan hệ gì. Song, đến lúc thọ quả báo, thì mình vẫn phải đi thọ, thần chẳng màng đến. Đây là đạo lý chẳng hợp lý. Vì nhân duyên đó, cho nên nói là từ nghiệp tưởng của mình sinh ra. Nếu thần chi phối chúng ta, thì tất cả đều do thần đến làm chủ, vậy thì nghiệp mà chúng ta tạo ra, thần cũng phải có một nửa tội nghiệp, mới hợp tình hợp lý. Nếu chẳng phải như vậy, thần dạy chúng ta làm việc, tội nghiệp thì của chúng ta, còn công đức thì của thần, như vậy thì chẳng bình đẳng, chẳng hợp lý. Tội nghiệp mình tạo ra, với người khác chẳng có quan hệ gì. Làm việc thiện thì được quả báo thiện; làm việc ác thì được quả báo ác, đây là nhân quả rất hợp lý. Cho nên chúng ta cử chỉ hành động, đừng để người khác đến chi phối. Nếu thật là do thần chi phối, thì không nên dạy chúng ta làm đủ thứ chuyện ác, chỉ làm các chuyện tốt, như thế mới đúng. Vì thần chẳng muốn người làm việc ác, mong muốn người làm việc thiện. Nếu thần chẳng có năng lực này, thì mình làm ác mình thọ quả báo. Làm công đức là thần, làm ác là mình phải nhận, đây thật chẳng hợp lý chút nào.

Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, đều là pháp phương tiện, là để đối trị tham sân si của chúng sinh. Cho nên nói bốn thể của tất cả pháp là không chỗ trụ. Không trụ nơi có, cũng không trụ nơi không. Do đó, chẳng có xứ sở nhất định. Pháp chẳng có thật thể, đều là nhân duyên sinh ra, cho nên là không. Tất nhiên là không, còn có chỗ nào để trụ? Chư Phật trụ ở trong đạo lý thể chẳng không chẳng có. Pháp thân của Phật là vô tướng, vô tại vô bất tại; Phật là như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, cho nên rốt ráo chẳng giao động.

Bồ Tát là nửa tiếng Phạn, đầy đủ là "bồ đề tát đỏa". Bồ đề dịch là "giác", tát đỏa dịch là "hữu tình". Tức cũng là giác hữu tình, còn gọi là hữu tình giác, ý nghĩa giống nhau, chẳng có khác biệt.

Gì gọi là “giác hữu tình”? Tức là dùng đạo lý mà mình giác ngộ, phương pháp mà mình minh bạch, để giác ngộ mười phương tất cả chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được sự giác ngộ. Đây là tư tưởng tự giác giác tha của Bồ Tát.

Gì gọi là “hữu tình giác”? Bồ Tát vốn cũng là chúng sinh, vì tu lục độ vạn hạnh, cho nên thành Bồ Tát, đó là một bậc giác ngộ trong hữu tình. Chẳng những Bồ Tát là chúng sinh, mà chư Phật cũng do chúng sinh giác ngộ mà thành Phật. Phàm là có tri giác, có khí huyết, đều là chúng sinh, là chúng duyên hòa hợp mà sinh. Phật Bồ Tát trong quá khứ, đều giống như chúng sinh, bất quá Phật Bồ Tát siêng tu lục độ vạn hạnh, cho nên thành Phật thành Bồ Tát; còn chúng ta lười biếng, chẳng chịu tu hành, cho nên vẫn là chúng sinh. Tuy nhiên hiện tại chúng ta tu hành, nhưng chẳng tinh tấn, giống như phát nguyện tu hành, đợi ngày mai mới tu, ngày mai lại đợi ngày mai. Một ngày rồi một ngày, đợi đến già rồi cũng chẳng tu hành, cũng chẳng thành tựu. Có người nói, tôi tuổi còn trẻ, đợi tôi lớn tuổi mới tu. Song, sau khi lớn tuổi thì bị lưới thế gian ràng buộc, chẳng chịu tu hành. Đến tuổi già thì càng chẳng có thời gian để tu hành. Đợi đến lúc chết thì càng không thể tu hành, là vì có tư tưởng như thế, từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng phát tâm bồ đề, chẳng hành đạo Bồ Tát, chẳng tu lục độ vạn hạnh, thì làm sao liễu sinh thoát tử? Do đó mà sinh sinh tử tử, lưu chuyển không ngừng ở trong luân hồi.

Nếu chúng ta chẳng lười biếng, giống như chư Phật, Bồ Tát, A la hán, dũng mãnh tinh tấn, thì sớm sẽ thành Phật thành Bồ Tát thành La Hán, mà trở thành bậc giác ngộ trong hữu tình.

Bồ Tát còn dịch là “đại đạo tâm”, vì tâm đạo đặc biệt lớn, chẳng sợ mọi sự khổ, chẳng sợ mọi sự khó, tinh tấn tu Phật pháp, hết mình hành đạo Bồ Tát. Còn gọi là Đại Sĩ, là đại trượng phu. Do đó “Nam Hải Đại Sĩ,” tức là biệt danh của Bồ Tát Quán Thế Âm; còn gọi là Khai Sĩ, chẳng có ích kỷ, tướng ta, thấy cái ta, chẳng đổ kị người khác, cũng chẳng chướng ngại người khác. Bồ Tát xa lìa hết thảy vọng tưởng của chúng sinh. Những gì chúng sinh nghĩ, đều là vì mình mà tính toán, để làm thế nào mình được lợi ích. Hết thảy vọng tưởng của Bồ Tát, đều nghĩ ta muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, ta muốn giáo hóa tất cả chúng sinh, ta muốn cứu độ tất cả chúng sinh, đó là tư tưởng của Bồ Tát xả mình vì người. Tư tưởng của Bồ Tát với tư tưởng của chúng sinh đều trái ngược nhau. Chúng sinh nghĩ ích kỷ, Bồ Tát thì nghĩ lợi người.

Tướng tam tế là gì?

Tức là: 1). Tướng nghiệp. 2). Tướng thấy được. 3). Tướng cảnh giới. Còn nói là tướng nghiệp, tướng hiện, tướng chuyển. Tướng tế này rất là vi tế, chẳng dễ gì giác được, chẳng dễ gì minh bạch, chẳng dễ gì biết được.

1). Tướng nghiệp: Tạo nghiệp như thế nào? Tức là nung bắt giác. Vô minh sinh ra tướng tam tế, do đó: “Một niệm không giác sinh tam tế, cảnh giới là duyên lớn lực thô.” Lại nói: “Vô minh là nhân sinh tam tế, cảnh giới là duyên sinh lực thô.”

Tại sao chúng ta đến làm người? Vì tạo nghiệp làm người, cho nên đến làm người. Mèo tạo nghiệp mèo, chó tạo nghiệp chó, cho nên đến làm chó mèo, đây là tự làm tự thọ. Do đó chúng ta vì một niệm vô minh mà đến làm người, vì vô minh mà tâm động, đây tức là nghiệp. Có nghiệp thì có khổ, nghiệp tạo ra phải thọ quả báo. Tạo nghiệp lành thọ quả báo lành, tạo nghiệp ác thọ quả báo ác. Tướng nghiệp là vì một niệm vô minh mà khởi. Tóm lại, vô minh tức là sinh tử gốc rễ của ái. Vô minh trong mười hai nhân duyên, là chỉ nam nữ thấy tướng, sinh ra tâm ưa thích mà thương nhau. Có tình ái thì có hành vi. Gốc rễ sinh tử của chúng ta là từ đây mà ra.

2). Tướng thấy được: Có tướng nghiệp rồi, thì sinh ra tướng thấy được. Tức có động tác thì thấy được; nếu không động tác thì chẳng thấy được.

3). Tướng cảnh giới: Có tướng thấy rồi thì sinh ra tướng cảnh giới, không thấy thì không cảnh giới. Vô minh tâm động, động thì có khổ. Vì quả chẳng lìa nhân, tạo nhân gì thì thọ quả đó. Có động thì có tướng thấy sinh ra, chẳng động thì chẳng có tướng thấy, do đó: “*Niệm khởi trăm việc có/ Niệm dừng vạn việc không.*” Động thì có tướng thấy, thì có tướng cảnh giới, tức là cảnh giới thấy được hiện ra.

Tướng lực thô là gì? Tức là: 1). Tướng trí. 2). Tướng tương tục. 3). Tướng chấp lấy. 4). Tướng tính danh tự. 5). Tướng khởi nghiệp. 6). Tướng nghiệp buộc khổ.

Cảnh giới là trợ duyên, lại sinh ra sáu thứ tướng thô này. Do gốc rễ vô minh sinh ra tướng tam tế, do cảnh ngọn vô minh, mà sinh ra tướng lực thô.

1). Tướng trí: Có cảnh giới rồi thì biết cảnh giới, bèn sinh ra tâm ưa thích hoặc không ưa thích. Hai thứ tâm này, sinh sinh không ngừng, vọng sinh phân biệt.

2). Tướng tương tục: Nung trí tuệ phân biệt, sinh ra hai thứ tâm, ưa và không ưa, lại sinh ra khổ và vui hai thứ tư tưởng. Hoặc ưa hoặc không ưa, hoặc khổ hoặc vui, tư tưởng như thế liên tục không ngừng.

3). Tướng chấp lấy: Vì liên tục không ngừng, nên sinh ra tướng chấp lấy, chấp trước cảnh giới khổ vui. Chẳng biết đây là hư vọng không thật, ngược lại còn

sinh tâm niệm chấp lấy thâm sâu.

4). Tướng tính danh tự: Chấp lấy cảnh giới thì tính toán rằng, đây là danh tự gì, kia là danh tự gì? Bèn chấp trước vào danh tự hư vọng không thật, mà sinh ra phiền não phân biệt.

5). Tướng khởi nghiệp: Chấp trước cảnh giới hư vọng không thật, lại sinh ra nghiệp khổ, nghiệp vui, nghiệp thiện, nghiệp ác đủ thứ tướng. Nương danh tự mà chấp lấy, tạo ra đủ thứ các nghiệp nhiễm tịnh.

6). Tướng nghiệp buộc khổ: Tướng này sinh ra rồi, thì bị nghiệp ràng buộc mà chẳng tự tại, chẳng cách chi tháo gỡ. Giống như dạy người tu hành, thì họ nói hoàn cảnh không cho phép, trong nhà không ai lo liệu, tóm lại, có đủ thứ lý do, đây tức là tướng nghiệp buộc khổ không thoát được.

Cảnh giới chư Phật giáo hóa chúng sinh, vượt ra ngoài tất cả số mục, vì Phật đã xa lìa tất cả số. Chúng sinh còn ở trong số, có số thì có lời lẽ để nói, có tư tưởng để nghĩ. Phật đã vượt ra con đường lời lẽ tư tưởng. Nếu hiểu được cảnh giới này, thì tức là pháp môn phương tiện chân chính của Phật. Người học Phật pháp thì đừng có tướng ta, thấy ta. Nếu có tướng ta thì có chấp trước, có thấy ta thì vẫn có chấp trước. Có sự chấp trước thì không thể minh bạch lý không. Nếu muốn minh bạch lý không, thì phải phá tất cả chấp trước. Đừng vì mình mà tính toán, phải vì chúng sinh mưu lợi ích. Đừng lo lắng, buông xả tất cả, do đó: *“Buông xả thân tâm Phật tự thành.”* Tại sao chúng ta chẳng tự tại? Vì chẳng buông xả thân tâm. Chúng ta đối với quần áo, thức ăn uống, chỗ ở, đừng có tâm tham dục. Quần áo đủ che lạnh là được. Ăn cơm no bụng là được. Chỗ ở đủ che mưa che gió là được.

Tri kiến của phàm phu, đều có sự chấp trước và quái ngại, chẳng có trí tuệ chân chính, cho nên đối với hết thảy tất cả đều chẳng minh bạch. Vì phàm phu chẳng giác chẳng hiểu, cho nên Phật giáo hóa tất cả chúng sinh, trụ vào chính pháp, đừng có tà tri tà kiến. Chúng sinh trụ vào chính pháp thì pháp trụ vào đâu? Vì các pháp vốn không, cho nên các pháp chẳng chỗ trụ, nếu minh bạch đạo lý này thì phá được hết thảy mọi chấp trước, sẽ chân chính nhận thức được bản lai diện mục của chính mình.

Trong kinh Kim Cang có nói: *“Phật nói không thân, là gọi thân lớn.”* Nếu là thân thì chẳng phải thân lớn, thân lớn tức là pháp thân, pháp thân nói là thân; trên thực tế thì chẳng có hình thể, nó là lớn mà không ở ngoài, nhỏ mà không ở trong, cho nên Phật nói không thân, gọi là thân lớn. Chẳng có thân thể chân thật, mà chỉ nói thân thể. Phật là như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt, vô tại vô bất tại, chẳng có gì mà không biết, chẳng có nơi nào mà không chiếu đến,

chẳng có nơi nào mà không hiện, cho nên nói chẳng khởi mà hiện khởi. Chẳng phải như phàm phu, phân biệt có khởi không khởi, có động không động. Phật thì tĩnh chẳng ngại động, động chẳng ngại tĩnh, động tĩnh như một, đây là đạo lý chẳng khởi mà hiện khởi. Tất nhiên chẳng có thân, sao lại có thấy? Không thân không thấy, tức là thân vô thượng thấy vô thượng của Phật; pháp thân vô thượng thì chẳng có hình tướng. Phải biết, chẳng có hình tướng thì giống như hư không, do đó: “Nếu ai muốn biết cảnh giới Phật. Hãy tịnh ý mình như hư không.” Trong ý niệm chẳng những chẳng có pháp nhiễm ô, mà pháp thanh tịnh cũng chẳng sinh, cho nên tất cả đều là bản lai đầy đủ, bản lai viên mãn, đây tức là thân vô thượng của Phật.

Đức Phật rất vĩ đại! Trí tuệ đại quang minh của Ngài đã đạt đến tột đỉnh, Phật là dũng mãnh cường kiện, đối với lục độ vạn hạnh rất là dũng kiện. Phật có mười hiệu, Vô Thượng Sĩ là một trong mười hiệu, Phật là Đại Sĩ tôn quý nhất, trên hết, chẳng có ai trên Ngài. Tại sao Phật xuất hiện ra thế giới Ta Bà? Là vì lợi ích cho tất cả quần mê chúng sinh. Phật khiến cho chúng sinh, bỏ mê về với giác ngộ, cải tà về chính, trở về cội nguồn, thấy được bộ mặt chân thật. Phật vì giáo hóa tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử nên mới hiện ra thế gian. Thế gian có ba thứ: 1). Khí thế gian. 2). Hữu tình thế gian. 3). Chính giác thế gian.

Khí thế gian là gì? Tức là sông núi đất đai, nhà cửa phòng xá. Gì là hữu tình thế gian? Tức là nơi tất cả chúng sinh ở. Gì là chính giác thế gian? Tức là nơi tất cả bậc Thánh ở. Tại hữu tình thế gian có thành Phật, có thành Bồ Tát, có thành A la hán, thế gian của các Ngài ở gọi là chính giác thế gian. Thế gian mà hiện tại đang nói, bao quát cả ba thế gian. Phật đến thế gian này để giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ rõ tâm thấy tính, rốt ráo thành Phật, đây là tâm nguyện của Phật, cũng là tâm từ bi của Phật. Phật dùng tâm đại bi, quán sát khắp hết thấy tất cả mười phương chúng sinh, thấy tất cả chúng sinh đang ở trong ba cõi thọ sinh tử, ở trong luân hồi thọ mọi sự khổ, thật là rất thương xót, cho nên đến thế giới này để giáo hóa chúng sinh thoát khỏi biển khổ, đắc được an lạc của Niết Bàn. Phật giáo hóa chúng sinh, dùng từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng, do đó: “Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi.” Thế nào là vô duyên đại từ? Tức là gặp người vô duyên, phải dùng tâm từ để đối đãi với họ, để cảm hóa họ, như vậy mới kết duyên lành. Nếu đối với người vô duyên, mà chẳng kết duyên, chẳng chú ý họ, chẳng gần gũi họ, thì cuối cùng vẫn chẳng có duyên với người.

Thế nào là đồng thể đại bi? Tức là phải nhìn mình không đúng, đừng nhìn họ không đúng.

Tại sao chúng ta có sinh tử? Là vì có dục niệm. Dục niệm là gốc rễ của sinh tử. Mục đích chúng ta tu đạo, tức là chấm dứt sinh tử, tu như thế nào? Phương pháp rất đơn giản, tức là đoạn dục khởi ái. Nếu tu hành thành tựu triệt để, thì sinh tử sẽ chấm dứt, chẳng còn dục niệm, thì sẽ đóng chặt cửa địa ngục lại. Cho nên người tu đạo, quan trọng là tu chẳng còn dục niệm, còn dục niệm thì còn lậu, còn lậu thì còn sinh tử. Không còn dục niệm thì không còn lậu, không còn lậu thì không còn sinh tử. Phật thấy chúng sinh trong dục giới, sắc giới, vô sắc giới, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh. Đilen đảo như vậy là nhân duyên khác biệt. Có lúc làm việc thiện được sinh về cõi trời, có lúc làm ác, đọa vào địa ngục, ở trong luân hồi, chuyển lại chuyển đi. Chúng sinh trong dục giới, đặc biệt dục niệm rất nặng, cho nên chẳng chứng quả. Ở sắc giới vẫn còn hình sắc có thể thấy. Ở cõi vô sắc tuy không hình sắc có thể thấy, nhưng có thức phân biệt. Vì có thức thì vẫn chưa thoát khỏi ba cõi, vì gốc phân biệt vẫn chưa đoạn sạch. Chúng sinh chưa thoát khỏi ba cõi thì vẫn phải thọ các khổ.

Khổ có ba thứ khổ:

1). Khổ khổ. 2). Hoại khổ. 3). Hành khổ.

Lại có tám thứ khổ:

1). Sinh khổ. 2). Già khổ. 3). Bệnh khổ. 4). Tử khổ. 5). Ái biệt ly khổ. 6). Oán tắng hội khổ. 7). Cầu bất đắc khổ. 8). Ngũ ấm xí thành khổ.

Ngoài ra còn có vô lượng thứ khổ, suốt thuở vị lai cũng nói không hết. Chúng sinh phải thọ vô lượng khổ. Có một người mà họ thọ nhiều thứ khổ, trải qua rất nhiều khổ nạn; hoặc có nhiều người mà thọ một thứ khổ, ví như chiến tranh, nhiều người chẳng cơm ăn, chẳng áo mặc, chẳng nhà ở, mọi người cùng thọ một tai nạn. Đủ thứ khổ, khó mà nói hết được.

Ngoại đạo chẳng chấp đoạn, thì chấp thường, đều là chủ trương cực đoạn, chẳng phải lý luận trung đạo. Người chấp đoạn, thì cho rằng người chết đi như đèn tắt, gì cũng chẳng còn nữa, chẳng có nhân quả, chẳng có luân hồi, làm thiện làm ác đều chẳng có báo ứng. Đây là tà kiến chấp đoạn. Người chấp thường, thì cho rằng người chết rồi thì ở đời sau vẫn làm người, không thể làm súc sinh; súc sinh thì vĩnh viễn làm súc sinh, không thể làm người. Đây là tà kiến chấp thường. Họ chẳng minh bạch nhân quả tuần hoàn báo ứng, cho nên lưu chuyển trong luân hồi mà thọ các khổ, vĩnh viễn chẳng được giải thoát.

Phật dùng tâm đại bi, diệt trừ khổ của chúng sinh. Phật thấy chúng sinh ở trong ba cõi, luân hồi thọ tất cả khổ. Chỉ có Phật mới cứu được chúng sinh lìa khổ được vui. Tất cả các người trời, không thể giải cứu được chúng sinh khổ. Phật là đấng đại Đạo Sư đầy đủ phước tuệ, tức cũng là bậc cứu hộ của ba cõi. Chúng ta cải ác hướng thiện, cải tà về chính, sửa lỗi làm mới, chúng ta hồi quang phản

chiếu, bỏ mê về giác, thì đều được Phật cứu hộ, thoát khỏi biển khổ, đến được bờ kia. Phật thành Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, xuất hiện ra đời. Tất cả hiền Thánh Tăng chúng, cũng xuất hiện ra đời, các Ngài ban niềm vui thật sự cho tất cả chúng sinh. Gì là niềm vui thật sự? Tức là chẳng có khổ, chỉ có vui.

Địa vị của Bồ Tát có bốn mươi hai cấp bậc, tức là: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Vì Bồ Tát có bốn mươi hai phần vô minh hoặc, cho nên phải từ Thập Trụ mà bắt đầu, tu hành viên mãn một pháp môn, thì bớt một phần vô minh, mà tăng thêm một phần pháp thân, liền thăng lên một bậc. Cho đến bậc Đẳng Giác, thì vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa dứt. Nếu đoạn hết thì là Diệu Giác Bồ Tát, tức cũng là Phật. Phẩm này nói về Thập Trụ của Bồ Tát.

“Tuệ trụ nơi ý, được vị bất thối, mà gọi là trụ.” Tuệ là năng trụ, lý là sở trụ, được vào chính vị, vị chẳng giao động. Gì là Thập Trụ? Tức là: 1). Ban đầu phát tâm trụ. 2). Trị địa trụ. 3). Tu hành trụ. 4). Sinh quý trụ. 5). Cụ túc phương tiện trụ. 6). Chính tâm trụ. 7). Bất thối trụ. 8). Đồng chân trụ. 9). Pháp vương tử trụ. 10). Quán đảnh trụ.

Thập Trụ này là pháp môn bắt đầu tu của Bồ Tát.

Mười thứ trí tuệ là gì? Đó là:

1). Trí vô ngại: Trí tuệ chẳng có gì chướng ngại. Có từ vô ngại, nghĩa vô ngại, pháp vô ngại, nhạo thuyết vô ngại bốn thứ trí vô ngại biện. Từ vô ngại biện, là ngôn từ nói ra vô lượng vô biên, biện tài vô ngại. Nghĩa vô ngại biện, là nghĩa lý nói ra vô lượng vô biên, biện tài vô ngại. Pháp vô ngại biện, là pháp nói ra vô lượng vô biên, biện tài vô ngại. Nhạo thuyết vô ngại biện, là thích nói pháp, tùy thời tùy lúc tuyên nói Phật pháp, khiến cho tất cả chúng sinh nghe pháp tu hành, do tu mà chứng.

2). Trí vô trước: Trí tuệ chẳng chỗ chấp trước. Tuy có trí tuệ vô ngại, nhưng không thể mắt nhìn tất cả đều không, coi ai chẳng ra gì. Bằng không tức là chấp trước, thì chẳng được giải thoát. Phải có trí tuệ vô trước, thì mới đắc được tự tại.

3). Trí vô đoạn: Trí tuệ chẳng có sự gián đoạn. Trí tuệ có lúc có, thì đột nhiên thông minh. Có lúc đoạn thì lại ngu si. Tóm lại, trí tuệ không thể thường thường hiện tiền, tức là trí đoạn. Trí vô đoạn tức là trí tuệ tương tục không đoạn, đều hiện tiền.

4). Trí vô si: Trí tuệ chẳng có sự ngu si. Có trí tuệ thì thông minh, không trí tuệ thì ngu si. Thường tu học Phật thì trí tuệ sẽ hiện tiền. Do đó: “Vào sâu tạng kinh, trí tuệ như biển.” Lúc này chẳng còn ngu si, chẳng còn vô minh, chẳng

còn đen tối, luôn luôn hiện ra trí tuệ quang minh.

5). Trí vô dị: Trí tuệ chẳng có biến đổi. Trí tuệ thủy chung vẫn là một, chẳng thể biến thành hai dạng không giống nhau.

6). Vô thất trí: Trí tuệ chẳng có sai mất. Đạo lý nói ra đều là chính quyết chẳng có sai lầm.

7). Vô lượng trí: Trí tuệ chẳng có hạn lượng. Trí tuệ này, lấy chẳng hết được, dùng cũng chẳng cạn. Nguồn suối của trí tuệ, tuôn trào chảy ra, vĩnh viễn chẳng gián đoạn.

8). Vô thắng trí: Trí tuệ chẳng có gì thắng được. Trí tuệ thù thắng này, chẳng có gì thắng qua được trí tuệ này. Trí tuệ này có năm thứ đức.

Đức thứ nhất, thâm sâu như sấm: Thứ trí tuệ này, giống như tiếng sấm lúc trời tạnh, khiến cho chúng sinh mê hoặc tỉnh ngộ. Đức thứ hai, thanh triệt viễn văn: Thứ trí tuệ này, chẳng những thanh triệt mà còn ở nơi rất xa cũng nghe được. Đức thứ ba, âm thanh thương nhã: Âm thanh này, khiến cho người thương xót và lại hòa nhã. Giống như tiếng chim Ca Lăng Tần Già, rất là êm tai; ai nghe cũng đều hoan hỷ. Đức thứ tư, hay khiến cho chúng sinh, sinh tâm kính ái: Khiến cho chúng sinh nghe được âm thanh này, thì thâm nhập vào trong tâm, mà sinh ra tư tưởng cung kính ái mộ. Đức thứ năm, ai nghe được đều hoan hỷ không nhàm: Phàm là chúng sinh nghe được âm thanh thù thắng này, thì luôn luôn hoan hỷ mà chẳng nhàm chán. Đây đủ năm đức này, cho nên là vô thắng.

9). Vô giải trí: Trí tuệ chẳng có sự giải đãi. Phàm là lười biếng chẳng tu hành, tức là giải đãi. Nếu đắc được trí tuệ vô giải, thì bất cứ lúc nào cũng đều tinh tấn.

10). Vô đoạt trí: Trí tuệ không thể đoạt lấy. Trí huệ này, dù gặp cảnh giới gì, cũng chẳng bị cảnh giới đoạt mất trí tuệ.

Lời kết

Bộ Luận Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật được giảng giải bởi Hòa thượng Tuyên Hóa, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, gồm có 25 quyển. Bài viết này là những ý chính, cô đọng nhất của quyển 09.

Phạm Tuấn Minh

Tài liệu: Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật, Hòa thượng Tuyên Hóa, Hán dịch: Sa môn Thật Xoa Nan Đà, Việt dịch Tỳ Kheo Thích Minh Định, Chùa Kim Quang.